

BIỂN TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN KIÊN GIANG

Trần Thị Hoàng Mỹ
Trường Đại học Cửu Long

TÓM TẮT

Biển có vai trò quan trọng trong đời sống của cư dân Kiên Giang. Văn học dân gian Kiên Giang phản ánh những hiểu biết về biển và khả năng thích nghi, ứng phó với biển từ rất xưa của cư dân. Biển trong văn học dân gian Kiên Giang được thể hiện trong các quan niệm về địa danh, địa hình; quan niệm về nghề nghiệp liên quan đến biển và quá trình giao thương trên biển; quan niệm về kinh nghiệm đi biển và chọn sản phẩm ẩm thực; về lối sống, tính cách, việc đối nhân xử thế; về sản vật biển... Cư dân tại vùng đất Kiên Giang đã hình thành cho mình những đặc trưng văn hóa biển có phần tương đồng nhưng cũng có phần dị biệt so với văn hóa biển các tỉnh, thành khác khác trên cả nước.

Từ khóa: biển, văn học, dân gian, Kiên Giang

1. Đặt vấn đề

“Văn hóa Việt Nam là một phức thể bao gồm ba yếu tố: văn hóa đồng bằng, văn hóa núi và văn hóa biển” [6: 478], Kiên Giang là một vùng đất hội tụ đủ 3 yếu tố ấy. Trong ba yếu tố văn hóa nói trên, biển chiếm một vị trí quan trọng trong tiến trình phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội.

Kiên Giang có tổng diện tích biển khoảng 63.000km² với đường bờ biển dài 200km. Đây là tiềm năng lớn để phát triển kinh tế thủy sản và du lịch. “Nhiều người quen gọi Kiên Giang là “vùng đất mới” do đây là địa bàn mới được tộc người Việt khai hoang và thiết lập khu dân cư từ cuối thế kỷ XVII. Thực ra, tại vùng đất này, con người đã có mặt từ lâu, mà thành quả sáng tạo vĩ đại của họ là nền văn hóa Óc Eo nổi tiếng” [1: 89]. Những người khai phá vùng đất Tây Nam Bộ đa phần đến đây bằng đường biển. Trong quá trình di dân, nhiều tộc người đã đến định cư tại vùng đất Kiên Giang, mang theo những sắc thái văn hóa và tôn giáo riêng biệt. Họ sinh sống hòa

đồng, đoàn kết, gắn bó với nhau. Ngay từ xưa, các đô thị sầm uất ở vùng này đều gần biển, nổi tiếng nhất có thể kể đến là cảng Tà Keo (thuộc nền văn hóa Óc Eo), cảng quốc này hưng thịnh khoảng thế kỷ thứ IV. Một cảng quốc khác cũng không kém phần phát triển là cảng quốc Hà Tiên hưng thịnh vào thế kỷ thứ XVIII. Cả hai cảng biển, xét về vị trí địa lý đều nằm trong địa phận của tỉnh Kiên Giang ngày nay. Chính vì vậy, sự tác động của biển lên đời sống tâm lý – xã hội vùng này khá sâu sắc. Trong quá trình điều tra điền dã về từ ngữ chỉ nghề biển ở tỉnh Kiên Giang, chúng tôi thu thập được một số truyền thuyết, ca dao, hò, vè... liên quan đến biển. Điều này chứng tỏ: trong quá trình tiếp xúc, khai thác các nguồn lợi từ biển, cư dân tỉnh Kiên Giang, đặc biệt là dân “hạ bạc” và những cư dân làm nghề liên quan đến biển đã hình thành cho mình một kho tàng văn học dân gian về biển vô cùng phong phú.

Văn học dân gian là những sáng tác do nhân dân tạo ra và lưu truyền. Những sáng

tác này bao gồm những hiểu biết của một cộng đồng người về con người, tự nhiên, xã hội. Chúng được tích lũy và trao truyền trong suốt quá trình sinh sống, lao động. Đối với tỉnh Kiên Giang, không tính lớp cư dân đầu tiên là những người Khmer Nam Bộ^[2], những người di cư đến vùng đất này được miêu tả như sau: “Từ đầu cho tới giữa thế kỷ XVII, nhiều người đã dùng thuyền vượt biển về miền cực nam, trong đó có Rạch Giá và Hà Tiên, để sinh sống” [1: 98], điều này hàm nghĩa: một số tri thức về biển của Kiên Giang không phải là yếu tố phát sinh nội tại, mà là theo làn sóng di cư từ các tỉnh miền Bắc và miền Trung vào. Các tri thức này không tránh khỏi những vấn đề có phần trùng lặp, dị bản. Nói như tác giả Trần Quốc Vượng: “Gần như một quy luật, văn hóa của lưu dân vùng đất mới, dù là của tộc người nào cũng đều là sự kết hợp giữa truyền thống văn hóa trong tiềm thức, trong dòng máu và điều kiện tự nhiên, lịch sử của vùng đất mới, nó phát triển trong điều kiện cách xa vùng đất cội nguồn cả về không gian và thời gian... Cho nên, nền văn hóa này vừa có nét giống lại vừa có nét khác với nền văn hóa ở vùng đất cội nguồn của cùng một tộc người” [8: 288].

Hình ảnh biển trong văn học dân gian Kiên Giang được thể hiện trong các mô típ miêu tả địa danh, địa hình; quan niệm về nghề nghiệp liên quan đến biển và quá trình giao thương trên biển; quan niệm về kinh nghiệm đi biển và chọn sản phẩm ẩm thực; về lối sống, tính cách, việc đối nhân xử thế; về sản vật biển... Hình ảnh biển trong văn học dân gian Kiên Giang không chỉ thể hiện chiều sâu văn hóa của cư dân xứ biển mà còn là tư tưởng, tình cảm của người Kiên Giang được các thế hệ ngư dân duy trì bằng phương thức truyền miệng và thực hành xã hội.

2. BIỂN TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN KIÊN GIANG

2.1. Địa danh, địa hình gắn với sông nước, với môi trường biển

Ở Kiên Giang, những truyền thuyết đa phần gắn với những địa danh dân gian. Trong nhiều truyền thuyết ở tỉnh Kiên Giang, có thể bắt gặp hình ảnh biển xuất hiện nhằm giải thích về địa danh, địa hình của tỉnh.

Về địa danh: Truyền thuyết *Mũi Nai* – một bãi biển đẹp của Hà Tiên kể rằng: “*xưa kia có một chú nai thân hay ra bờ biển uống nước, do mãi mê với cảnh đẹp nên quên mất đường về rừng thiêng. Chú nai bèn ngo ngẩn quay lại với biển, gió chướng nổi lên, chú bị kẹt lại và chìm trong biển. Vì địa hình là mũi đất doi ra biển nên người dân ở đây gọi là Mũi Nai*” (Trần Hồng Vân, TX. Hà Tiên, ngày 01/5/2016). Truyền thuyết *Hòn Sơn Rái* viết: “*Nguyễn Ánh chạy trốn sự truy nã của quân Tây Sơn, đã trôi dạt từ đất liền đến đây. Trên bước đường cùng, không tìm đâu ra lương thực. Lúc bấy giờ, ở đây loài rái cá rất nhiều. Bỗng dưng một con rái cá khổng lồ xuất hiện, bắt nhiều tôm, cá dâng cho ông. Cái tên Hòn Sơn Rái ra đời từ đó*”. (Trần Hồng Vân, TX. Hà Tiên, ngày 01/5/2016). Trong *Truyền thuyết Thủy Thần sông Cái Lớn* giải thích về hai địa danh của Kiên Giang: Nữ thần Y-A-Na và bốn người con trên đường từ Trung Quốc trở về quê hương thì mắc nạn, bão lớn, thuyền bị đập vỡ nát trên biển. Xác nữ thần Y-A-Na tấp vào Nha Trang, người con Cả dạt vào Mũi Né; cậu Hai và cậu Út trôi vào tận eo biển phía Nam; xác người con thứ hai trôi dạt vào đảo Phú Quốc, hiển thân, người dân cất đền thờ tự gọi là Dinh Cậu. Cậu réo gọi em mình. Cậu Út theo tiếng gọi tìm anh nhưng

bị mắc ở cửa sông, cậu “đạp đồng” lên gọi dân chúng đào tắt một con kinh từ sông Cái Lớn qua sông Cái Bé để cậu đi. Dân chúng đào kinh và lập đền thờ Cậu tại đó, tôn làm Thủy Thần sông Cái Lớn, phù hộ cho người dân trong vùng. Con kinh ấy được gọi là kinh *Tắc Cậu* [3: 167-169].

Các truyền thuyết không chỉ giải thích về các địa danh mà còn mô tả về địa hình. Trong *Truyện thuyết Dinh Cậu*, địa danh Dinh Cậu xuất hiện là do dân cư lập lên để thờ tự Cậu, con của “bà chúa Đảo” Thủy Long Thần Nữ. Bà và Cậu ngự tại núi Chúa, ngọn núi cao nhất trong số 99 ngọn núi của Đảo Xích Thổ (Phú Quốc ngày nay). Sau khi nghịch dại, được cha giải cứu và thu phục Sáu Tinh, cậu bị mẹ phạt đời đời ở trên lưng Sáu Tinh để canh giữ vì yêu khí của nó vẫn còn. Người dân thương Cậu phải chịu nắng mưa nên lập miếu thờ ngay trên mỏm đá để Cậu có chỗ trú thân. Do đó mà Dinh Cậu nằm trên mỏm đá có hình đầu một con cá sấu há miệng quay ra biển [3: 162-166]. Truyền thuyết *Hòn Phụ Tử* kể rằng: “Xưa kia ở vùng biển này có con thường luồng rất hung dữ, hay đánh đắm thuyền bè để ăn thịt ngư dân. Bên chân ngọn An Hải Sơn, cạnh chùa hang, có hai cha con làm nghề chài lưới. Do đau lòng trước cảnh ngư dân cứ bị thường luồng quấy phá nên người cha hi sinh thân mình để loại bỏ tai ương cho bà con. Ông lấy thuốc độc thoa vào cơ thể, nằm sát mé biển làm mồi dụ quái thú. Thủy quái cắn người cha, chưa ăn hết thịt đã trúng độc mà chết. Người con đi tìm cha, tìm thấy mảnh xác còn sót lại, anh ôm lấy xác cha khóc lóc. Chẳng may chất độc ngấm vào người, anh cũng chết. Tối đó trời bắt đầu nổi bão, kéo dài suốt mấy ngày đêm, lạ thay, nơi hai cha con ngã xuống mọc lên hai hòn đá lớn và nhỏ, người ta gọi hòn to là hòn Phụ, hòn

nhỏ là hòn Tử, gọi chung là Hòn Phụ Tử”. (Võ Thị Kim Xuyên, Rạch Giá, ngày 29/4/2016).

Bên cạnh đó còn có những truyền thuyết về Giếng Gia Long, Mũi Ông Đội, Đổng Kim Giao,...

Kiên Giang cũng lưu truyền nhiều bài ca dao mô tả địa danh, địa hình của một vùng đất như: “*Chim chuyền Bãi Bồn, Hàm Ninh / Chuyền qua Cửa Cạn, chuyền lên Rạch Tràm*” (Hò Thị Phấn, huyện Phú Quốc, ngày 07/6/2016). Hoặc: “*Cửa Dương có bãi cát vàng / Có nơi Dinh Cậu, có nàng bông con*” (Nguyễn Văn Nèn, huyện Phú Quốc, ngày 09/6/2016).

Cư dân ở huyện Phú Quốc ý thức rất rõ về vị trí địa lý cũng như địa hình của vùng đất mình sống, họ miêu tả chân thực, mộc mạc làm nổi bật lên quá trình định cư lâu đời của cư dân đảo. Thông qua kinh nghiệm đi biển, người dân Kiên Giang còn có những bài về hải trình để kể tên các hòn đảo. Tri thức về không gian biển trong những bài về này rất đáng trân trọng, nó giúp cho những người làm nghề “hạ bạc” hiểu hơn về vùng đất này. Ví dụ như bài về hải trình Nam Du dưới đây:

“*Hòn Ngang sang hai hòn Đụng
Hòn Đụng cụng Bỏ Áo
Bỏ Áo tháo hòn Máu
Hòn Máu thẩu Bà Đập
Bà Đập đập ba hòn Lò
Hòn Lò mò qua Đô Nai
Đô Nai lai rai qua hòn Dấu
Hòn Dấu thẩu qua hai hòn Ông
Hòn Ông thông qua hòn Tre
Hòn Tre de qua hòn Mốc
Hòn Mốc thốc qua hòn Dâm
Hòn Dâm dâm qua hòn Hàng
Hòn Hàng choàng qua hòn Nhạn
Hòn Nhạn lạng qua ba hòn Nôm*”

Hòn Nôm chồm qua hòn Lớn”.

(Trần Quốc Hùng, huyện Phú Quốc, ngày 08/6/2016)

Hình ảnh biển được người dân Kiên Giang thể hiện rất rõ trong quan niệm về lãnh thổ, địa hình. Cư dân vùng ven biển Kiên Giang có cách lưu truyền, gìn giữ những quan niệm đó thông qua các loại hình của văn học dân gian là: truyền thuyết, ca dao, về hải trình...

2.2. *Biển trong quan niệm về nghề nghiệp liên quan đến biển và quá trình giao thương trên biển*

Từ việc làm chủ đất liền và biển đảo, người dân Kiên Giang đã thực hiện các công việc liên quan đến biển một cách thành thực, chuyên nghiệp đến mức coi đó là điều hiển nhiên: *“Kiên Giang có bãi cát vàng / Có nàng và lưới, có chàng tài công”* (Nguyễn Thị Mỹ Lệ, TP. Rạch Giá, 28/4/2016). Hai câu ca dao đã khái quát được địa thế và ngành nghề nổi bật của tỉnh: ngư nghiệp.

Với vai trò là một trong hai ngư trường lớn nhất cả nước, Kiên Giang ngay từ những năm đầu của thế kỷ 20 đã góp phần làm cho nền kinh tế Việt Nam phát triển. Bởi vậy, người dân Kiên Giang rất coi trọng những người làm nghề “vạn chài”: *“Bước lên tám ván cong vòng / Lấy chồng ngư phủ như rồng lên mây”* (Trần Thị Hồng, huyện Phú Quốc, ngày 05/6/2016). Hoặc: *“Muốn ăn cá khế thanh mai / Thì em hãy xuống vạn chài cùng anh”*[3: 178]. Họ coi vùng biển mình đang sống cùng các nguồn lợi từ biển và việc giao thương buôn bán trên biển là một cuộc sống đẹp, đáng trân trọng: *“Hà Tiên là chốn hữu tình / Thuyền buôn, thuyền bán rập rình lại qua / Phú Quốc đảo ngọc quê ta / Dạt dào sóng biển thuyền ra, thuyền vào”* (Hồ Thị Phấn,

huyện Phú Quốc, ngày 07/6/2016). Hay: *“Kinh Vĩnh Tế, biển Hà Tiên / Ghe xuồng xuôi ngược hai miền thông thương”* (Trần Hồng Vân, TX. Hà Tiên, 01/5/2016).

Cụm từ “thuyền buôn, thuyền bán rập rình”, “thuyền ra, thuyền vào”, “ghe xuồng xuôi ngược” góp phần khẳng định quá trình giao thương trên biển của cư dân Kiên Giang đã tồn tại từ rất lâu. Sơn Nam cũng từng viết rằng: “Tàu buồm Hải Nam ra vào cửa Rạch Giá tấp nập. Vào tháng gió chướng nhiều khi 20 chiếc tàu cập bến một lượt”. Hình ảnh biển trong hai câu ca dao này minh chứng thêm về sự khai phá và sinh sống đầu tiên của người Việt cổ ở các vùng ven biển, hải đảo.

Người Kiên Giang tự hào về những điều mình có được từ nghề “hạ bạc”. Đối với một số người đó có thể là nguồn kinh tế chính, là điều kiện làm giàu, là phương tiện giúp cho người mình yêu thương sung sướng. Chàng trai trong hai câu ca dao sau là một ví dụ: *“Cầu tôm ngủ gục, anh tưởng anh vớt hột con tôm càng / Hóa ra anh vớtặng anh sắm kiềng vàng cho em đeo”* (Nguyễn Văn Thành, huyện An Biên, ngày 26/5/2016).

Trong tâm thức của người dân Kiên Giang, biển là một yếu tố không thể tách rời khỏi đời sống, kinh tế, văn hóa. Họ xem biển là một hình ảnh gần gũi, thân thuộc, thể hiện khá rõ trong văn học dân gian. Điều này cho thấy từ trước đến nay, ngư nghiệp đóng một vai trò quan trọng trong tiến trình hình thành và phát triển của tỉnh.

2.3. *Quan niệm về lối sống, tính cách, việc đối nhân xử thế*

“Thiên nhiên đã ưu ái dành cho Kiên Giang một vùng biển bạc, con người Kiên Giang lại cần cù, yêu lao động, có kinh nghiệm lâu đời trong nghề biển, ngày càng

tăng về số lượng và chất lượng” [1: 45]. Thật vậy, như những người dân Nam Bộ khác, cư dân Kiên Giang tính tình phóng khoáng, rộng rãi, chí thú làm ăn. Trong kho tàng văn học dân gian Kiên Giang tồn tại nhiều câu ca dao, tục ngữ liên quan đến lối sống, tính cách và việc đối nhân xử thế của cư dân nơi đây. Hình ảnh biển thể hiện trong quan niệm này mang dấu ấn địa phương khá đậm nét.

Để nói về công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ, cư dân Kiên Giang cũng dùng những câu ca dao truyền thống như: “*Công cha như núi ngút trời / Nghĩa mẹ như nước ngoài khơi biển Đông*”. Hay: “*Mẹ nuôi con biển hồ lai láng*”. Đặc biệt hơn, ở một số làng chài của huyện Phú Quốc, cư dân còn có cách ví von tình cảm gia đình rất đặc sắc: “*com có cá như má với con*” (Lê Thị Kết, huyện Phú Quốc, ngày 9/6/2016) và họ cũng cho rằng việc con cái nghe lời cha mẹ là một hành động hết sức tự nhiên, giống như “*máy đời sứa vượt qua đặng*” [3: 182]. Nghề biển đã cung cấp cho họ những “biểu tượng” đặc trưng để dùng so sánh, vừa độc đáo, vừa xác đáng.

Người Kiên Giang cũng không quên giáo dục con đạo nghĩa về sự trung, hiếu. Đối với xứ biển, đúng là không gì thích hợp hơn dùng hình ảnh con cá: “*Ngó lên rừng thấy cặp cu đương đá / Ngó về Rạch Giá thấy cặp cá đương đũa / Lập miếu thờ Vua / Lập trang thờ mẹ, lập chùa thờ cha*” (Võ Thị Kim Xuyên, TP. Rạch Giá, ngày 28/4/2016).

Con cái lớn lên, việc thành gia lập thất là điều nên làm. Họ quan niệm: “Đàn ông như giò, đàn bà như hom” [3: 183], người làm nghề “hạ bạc” nào không có hai thứ đó thì coi như thiếu mất một phần quan trọng.

Trair gái cũng vậy, khi lớn lên phải có đôi có cặp để cùng nhau về chia sẻ, chí thú làm ăn. Trong quá trình tìm hiểu, người ta cũng hết sức đứng đắn nhủ nhau: “*Anh đây đi đóng cá kèo / Em có thương thì để dạ, đừng theo mà họ cười*” (Trần Văn Thắm, huyện An Biên, ngày 26/5/2016).

Tình yêu đối với người dân xứ biển Kiên Giang còn xuất phát đầu tiên ở tình người: “*Nước mắt hòn dằm con cá bẹ / Cảm thương nàng có mẹ không cha*” (Chiêm Quế Mai, huyện Châu Thành, ngày 25/5/2016).

Sự cảm thương, yêu mến xuất phát từ một trái tim nhân văn như vậy nên người ta cũng hết sức khát khe khi đánh giá một cô gái: “*Ghe lành ai lại trét chai / Gái lành ai lại lấy hai thằng chồng*” [3: 173]. Khát khe như thế, chọn lựa như thế, nhưng khi đã yêu thì người ta hết lòng hết dạ cùng nhau: “*Chùng nào cho sóng bỏ gành / Cù lao bỏ biển, anh mới đành bỏ em*” (Nguyễn Thị Mỹ Lệ, Rạch Giá, 28/4/2016).

Gành là nơi có nhiều đá ở gần cửa biển, nước len theo ngách đá mà chảy. Câu ca dao là lời hứa thủy chung sắt son của chàng trai vùng biển bởi chân gành là nơi sóng vỗ nên không bao giờ có chuyện sóng nọ bỏ gành. Cù lao là một dạng hòn nhô lên giữa sông hoặc biển, nên chuyện cù lao bỏ biển cũng là điều không thể.

Người Kiên Giang còn thương nhau vì cả hai chăm chỉ, chí thú làm ăn: “*Thương em con gái xóm chài / Thức khuya, dậy sớm miệt mài năm canh / Lưới hư, ăn khô cá em để dành / Đợi ngày lưới tốt anh vác mành ra khơi*” (Nguyễn Văn Nền, huyện Phú Quốc, ngày 09/6/2016). Hay: “*Anh về ra biển Giêng, Hai / Em thời vá lưới, vá chài đợi anh*” (Nguyễn Thị Mỹ Lệ, TP. Rạch Giá, ngày 28/4/2016).

Người phụ nữ vùng biển trong ca dao Kiên Giang là người chịu thương chịu khó, biết nhìn xa trông rộng. Điều này cho thấy: sự chăm chỉ, thức thối, biết tôn trọng lao động, thủy chung hết mực mới chính là bản chất chính của người dân nơi đây. Đến khi đã thành vợ thành chồng, hạnh phúc của những gia đình sống “bám biển” chỉ đơn thuần là: “*Chàng đi sông biển mịt mù / Cầu cho lưới nặng cá thu, cá mè*” (Võ Thị Kim Xuyên, Rạch Giá, ngày 29/4/2016). Họ giữ gìn cho mình một nền nếp mang đậm tinh thần nhân văn như thế để truyền đời cho con cháu. Có thể nói, hình ảnh biển và liên quan đến biển trong văn học dân gian Kiên Giang đã góp phần quan trọng trong việc giáo dục lối sống, tính cách, cách đối nhân xử thế của cư dân địa phương.

2.4. Sản vật biển trong văn học dân gian

Biển Kiên Giang giàu sinh vật và có nguồn hải sản trù phú. Mỗi năm ngư dân Kiên Giang có đến 200 ngày có thể ra biển đánh bắt. Chính vì vậy, việc tự hào về những sản vật địa phương thể hiện rất rõ trong văn học dân gian. Nói đến sản vật của Kiên Giang, đầu tiên phải kể đến hai thứ đó là nước mắm và ngọc trai. Người Kiên Giang tự hào về “nước mắm hòn” của mình rất mực: “*Con cá cơm thơm hơn con cá bẹ / Bờ nước mắm hòn em trốn mẹ theo anh*” (Trần Hồng Vân, Hà Tiên, 01/5/2016).

Từ phương cách ủ mắm cơ bản, người dân ở các hòn (đảo) của Kiên Giang, đặc biệt là Phú Quốc đã sáng tạo và phát huy phương thức làm nước mắm. Ở Phú Quốc chỉ sử dụng cá nòi, đặc biệt là cá cơm; dụng cụ chủ yếu là thùng, làm bằng gỗ bời lồi, dùng dây mây quấn để niềng các mảnh ván với nhau, người ta thường cho vỏ tràm vào giữa các mảnh ván để không bị hở. Chính nhờ kỹ thuật và kinh nghiệm riêng, món

nước mắm đã trở thành nét đặc thù trong văn hóa ẩm thực địa phương. Nước mắm Phú Quốc từ lâu đã nổi tiếng thơm ngon và được ưa chuộng không chỉ trong nước mà cả nước ngoài. Ngoài ra, ở Kiên Giang còn nổi tiếng một loại mắm nêm: “*Muốn ăn gỏi trích mắm nêm / Thì về Phú Quốc ăn thêm đã thêm*” (Nguyễn Tấn Ân, huyện Phú Quốc, 09/6/2016). Tác giả Phạm Văn Vinh từng miêu tả trong *Nghề mắm gia truyền và chế biến một số hải sản*: “*Ngày trước ở Rạch Giá có mắm nêm của hãng Long Thành chế biến, mà chỉ có mắm nêm của hãng ấy mới ngon, nhất là trong mắm cá còn loáng thoáng vài con cá vẫn còn nguyên hình mà thịt cá ăn lại dai chứ không nát bậy. Màu sắc lại đẹp. Do vậy, mỗi khi qua đó ai cũng muốn mua ít nhiều về làm quà biếu nhau*” [7: 70].

Ngày nay, món gỏi cá trích là một trong những đặc sản nổi tiếng của huyện đảo Phú Quốc. Cách chế biến món này nhất thiết phải có dưa nạo, đường mía, thịt heo luộc trộn kèm, khi ăn chấm với mắm nêm. Món ăn không cầu kỳ, đơn giản nhưng kỹ thuật chế biến phải hết sức đặc biệt vì nếu không mùi tanh của cá sẽ lấn át hết các vị còn lại.

Nhắc đến sản vật, kể đến phải kể đến Trai Ngọc. Người Kiên Giang rất tự hào về sự phong phú của tài nguyên, khoáng sản của địa phương mình:

“*Bãi biển là Bãi Bốn còi
Có ba con đọt[5] mà coi như vàng
Qua đây muốn lấy được vàng
Thời đem trai ngọc cả sàng đến chơi*”

(Nguyễn Thị Lam, huyện Phú Quốc, 08/6/2016)

Lời nói có vẻ hơi “thiếu khiêm tốn” nhưng rõ ràng chàng trai có quyền tự hào về những gì mình có, chỉ “đến chơi” mà đã

đem cả sàng trai ngọc thì thử hỏi khi cưới nàng về thì sính lễ còn đến mức nào. Chàng trai đã khéo léo “đánh tâm lý” cô gái về một cuộc sống sung túc, no ấm.

Ca dao vốn phản ánh thực tiễn cuộc sống, những món ăn dân dã cũng đi vào tâm thức của cư dân địa phương: “*Ở lại thì sớ huyện đòi / Ra đi thì nhớ cá mè kho me*” (Trần Văn Thắm, huyện An Minh, ngày 26/5/2016). Hay: “*Chi ngon bằng gỏi cá nhông / Chi vui bằng được tin chồng vu quy*” (Lê Thị Kết, huyện Phú Quốc, ngày 9/6/2016).

Ngoài các sản vật nổi tiếng trên, Kiên Giang còn có những nguồn lợi khác. Trong *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Sơn Nam viết: “*Vào đời Gia Long, vùng Rạch Giá được chú ý nhờ sập ong và cá*” [10: 234]. Không kể đến sập ong, chỉ nói đến hải sản, đặc biệt là các loại cá thì văn học dân gian Kiên Giang cũng phản ánh rất phong phú. Bộ phận về về các loại cá có thể được xem là nét văn hóa độc đáo của cư dân xứ biển nơi đây. Ngoài các bài về nói ngược, về rau, về trái, người Kiên Giang còn dạy cho con cái mình những bài về cá:

*“Nghe về nghe về
Nghe về loài cá
No lòng phỉ dạ
Là con cá cơm
Không ướp mà thơm
Là con cá nhát
Liêng hay thoăn thoắt
Là con cá chim
Hụt cẳng chết chìm là con cá đuối
Cao niên nhiều tuổi
Là cá bạc đầu
Đủ chữ xướng câu
Là con cá đối
Canh tép đầy nồi*

*Là con cá khoai
Trắng muốt béo trai
Là con ức thịt*

.....
*Chòi chọi một mình
Là cá lóc mít.”* [3: 183-187]

Hiện tại ở Kiên Giang, chúng tôi chỉ mới tìm thấy được 03 bài về về cá, đây là những đoạn về mang sắc thái riêng, sinh động, thể hiện niềm tự hào của người dân về sản vật biển. Những bài về này dựa trên đặc điểm của các loại cá, được ngư dân và trẻ con các vùng biển hay đọc hoặc đố nhau.

3. Kết luận

Cư dân tại vùng đất Kiên Giang đã hình thành cho mình những đặc trưng văn hóa biển, vừa có phần tương đồng nhưng cũng có phần dị biệt so với văn hóa biển các vùng khác trên cả nước. Có rất nhiều yếu tố văn hóa tại đây liên quan đến biển, điều đó cho thấy biển Kiên Giang không chỉ đơn thuần là một vùng lãnh thổ để sinh sống mà còn là môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội. Chỉ xét riêng ở nghệ thuật ngôn từ, hình ảnh biển trong văn học dân gian Kiên Giang đã khắc họa được chiều sâu văn hóa của cư dân, thể hiện qua các quan niệm về địa danh, địa hình; về nghề nghiệp liên quan đến biển và quá trình giao thương trên biển; về lối sống, tính cách, việc đối nhân xử thế; về sản vật biển,... Qua hơn 300 năm ổn định và phát triển, cư dân Kiên Giang đã sáng tạo và gìn giữ cho mình một nền văn học dân gian bản địa rất riêng và độc đáo. Yếu tố biển xuất hiện trong văn học dân gian Kiên Giang vừa có sự kế thừa, vừa có nhiều giá trị mới được tích lũy dựa trên yếu tố địa lịch sử và địa văn hóa của vùng đất.

SEA IN KIENGIANG'S FOLKLORE

Tran Thi Hoang My

ABSTRACT

Sea plays an important role in the life of Kiengiang's inhabitants. Kiengiang's folklore reflects inhabitants' understanding of sea and ability to adapt and respond to sea since a very long time ago. Sea in Kiengiang's folklore is expressed in the concepts of landmark, terrain; sea-related career and maritime trade; sailing experiences and selection of culinary products; lifestyle, personality, human behavior; marine products etc. Inhabitants in Kiengiang region have characteristics of their own marine culture which is somewhat similar but somewhat different from the marine culture of other provinces around the country.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Kiên Giang (1986), *Tìm hiểu Kiên Giang*, Kiên Giang.
- [2] Cao Xuân Phổ (1994), “*Văn hóa biển Đông Nam Á*”, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4: 99-110.
- [3] Đoàn Nô (2003), *Ngư cụ thủ công chủ yếu và nghề cá ở Kiên Giang*, NXB Văn hóa Thông tin.
- [4] Nguyễn Thị Hải Lê (2010), “*Đặc Trưng văn hóa biển của người Việt*”, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 315: 15.
- [5] Nguyễn Văn Kim (2015), “*Biển với lục địa: Biển Việt Nam trong các không gian biển Đông Nam Á*”, Tạp chí Khoa học (Đại học Quốc gia Hà Nội), số 1 (10/2015): 16-29.
- [6] Phạm Đức Dương (2010), *Việt Nam – Đông Nam Á ngôn ngữ và văn hóa*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7] Phạm Văn Vinh (1989), *Nghề mắm gia truyền và chế biến một số hải sản*, NXB Tổng hợp Phú Khánh.
- [8] Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hóa Việt Nam – tìm tòi và suy ngẫm*, NXB Văn học.
- [9] Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian (2000), *Văn hóa dân gian làng ven biển*, NXB Văn hóa dân tộc.
- [10] Sơn Nam (2014), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, NXB Trẻ.

- Ngày nhận bài: 15/4/2016
- Chấp nhận đăng: 11/7/2016

Liên hệ: **Trần Thị Hoàng Mỹ**
Trường Đại học Cửu Long
Email: tranthihoangmy@mku.edu.vn